

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 12 - 2017

“V/v tranh chấp ly hôn
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng
2. Bà Thạch Thị Yến Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Kiên Thị Gi, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Gi, xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Kiên Wi B, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Gi, xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Kiên Thị Gi trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014 chị Kiên Thị Gi và anh Kiên Wi B xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống giữa chị Gi và anh B bất đồng quan điểm, anh B thường uống rượu không chăm lo gia đình, chị Gi nhiều lần khuyên để anh B thay đổi tính tình nhưng anh B không thay đổi và đến cuối năm 2014 anh B về

nhà cha mẹ ruột sống đến nay mà không quan tâm chăm sóc, lo lắng cho chị Gi, do đó chị Gi thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Kiên Wi B.

Về con chung tên Kiên Wi S sinh ngày 04/11/2014, hiện chị Gi đang nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Gi không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu khác.

Phía bị đơn Kiên Wi B vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh B có lời khai như sau:

Về hôn nhân: Anh B xác định còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Gi. Về con chung tên Kiên Wi S, nếu ly hôn thì anh B yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Gi cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung anh B không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên việc chấp hành pháp luật của anh B là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Gi được ly hôn với anh B. Về con chung giao cháu Kiên Wi S cho chị Gi được quyền nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung chị Gi và anh B không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị Gi phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Kiên Wi B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Buol.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Kiên Thị Gi khởi kiện xin ly hôn với anh Kiên Wi B và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy giữa chị Kiên Thị Gi và Kiên Wi B chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Gi và anh B là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Gi và anh B có bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2014 đến nay, chị Gi xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Anh B cho rằng còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, sau khi anh chị không còn chung sống với nhau đến nay, phía anh B không tạo điều kiện để hàn gắn lại, không quan tâm, chăm sóc chị Gi và nhiều lần Tòa án mở phiên hòa giải nhưng anh B vắng mặt không có lý do, không thể hiện được thiện chí hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Gi và anh B ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kiên Thị Gi.

- **Về con chung:** Chị Gi và anh B xác định có một con chung tên Kiên Wi S sinh ngày 04/11/2014, chị Gi và anh B đều có yêu cầu được nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên; xét thấy anh B sau khi về nhà cha mẹ ruột sống thì để mặc chị Gi tự nuôi cháu S, anh không đến thăm, quan tâm, chăm sóc con nên việc giao cháu S cho anh nuôi là chưa đảm bảo được quyền lợi và sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của cháu; xét yêu cầu nuôi con của chị Gi, thì sau khi sống ly thân đến nay cháu Sơn do chị Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị đảm bảo cuộc sống cháu S ổn định về vật chất, sức khỏe và tinh thần nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Gi.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nhưng chị Gi và anh B không yêu cầu nên không xem xét.

- **Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:** Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị Gi và anh B không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Xét thấy chị Kiên Thị Gi là người dân tộc sống tại xã K thuộc xã đặc biệt khó khăn và chị Gi có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2017 quy định quy định mức thu, miễn, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét miễn toàn bộ án phí cho chị Kiên Thị Gi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kiên Thị Gi.

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Cho chị Kiên Thị Gi được ly hôn với anh Kiên Wi B.

- ***Về quyền nuôi con:*** Giao cháu Kiên Wi S sinh ngày 04/11/2014 cho chị Kiên Thị Gi được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Anh Kiên Wi B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*** Miễn toàn bộ án phí cho chị Kiên Thị Gi.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Kiên Wi B vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**